

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA HỌC KÌ II – TIN HỌC 7
Năm học: 2025 - 2026

Câu 1. Trong trang chiếu thì thông tin trực quan là

- A. văn bản. **B. hình ảnh.** C. văn bản, hình ảnh. D. văn bản, hình ảnh, âm thanh.

Câu 2. Sử dụng hình ảnh minh họa cho nội dung trình bày sẽ giúp cho bài trình chiếu

- A. hấp dẫn. B. trực quan nội dung văn bản.
C. sinh động. **D. hấp dẫn, sinh động, trực quan nội dung văn bản.**

Câu 3. Khi lựa chọn hình ảnh nên căn cứ vào yếu tố nào?

- A. Phù hợp với nội dung. B. Hình ảnh phải đẹp.
C. Có tính thẩm mỹ và phù hợp với nội dung. D. Có tính thẩm mỹ.

Câu 4. Trong các phát biểu sau, phát biểu nào **không** đúng?

- A. Hình ảnh minh họa làm cho trang chiếu ấn tượng hơn.
B. Nên chọn hình ảnh phù hợp với chủ đề của bài trình chiếu.
C. Màu sắc, họa tiết trên hình ảnh không cần trùng khớp với chủ đề.
D. Hình ảnh minh họa cần có tính thẩm mỹ.

Câu 5. Định dạng nào phù hợp khi tạo bài trình chiếu?

- A. Tiêu đề kiểu chữ thường, nội dung kiểu chữ đậm.
B. Tiêu đề kiểu chữ đậm, nội dung kiểu chữ đậm.
C. Tiêu đề kiểu chữ đậm, nội dung kiểu chữ thường.
D. Tiêu đề kiểu chữ thường, nội dung kiểu chữ thường.

Câu 6. Màu chữ trên trang chiếu cần phải như thế nào?

- A. Tương đương với màu nền. **B. Tương phản với màu nền.**
C. Sử dụng nhiều màu chữ cho đẹp. D. Sử dụng một màu duy nhất.

Câu 7. Thẻ lệnh nào chứa lệnh chèn hình ảnh vào trang chiếu?

- A. Home. **B. Insert.** C. Design. D. View.

Câu 8. Để chèn hình ảnh vào trang chiếu ta chọn lệnh

- A. Insert\Pictures.** B. Insert\Video. C. Insert\Audio. D. Insert\Shapes.

Câu 9: Để tăng bậc phân cấp, em đặt con trỏ ở đầu dòng cần tạo cấu trúc phân cấp (nếu cần tạo cấu trúc phân cấp giống nhau cho nhiều dòng thì dùng chuột chọn các dòng) rồi nhấn phím

- A. Alt. B. Ctrl. C. Shift. **D. Tab.**

Câu 10. Để tạo hiệu ứng cho đối tượng trên trang chiếu ta vào thẻ

- A. Transitions. **B. Animations.** C. Design. D. View.

Câu 11. Thẻ Transition có chức năng

- A. tạo hiệu ứng chuyển trang.** B. tạo hiệu ứng đối tượng.
C. tạo mẫu bố trí. D. chèn hình ảnh vào trang chiếu.

Câu 12: Thao tác tạo hiệu ứng động cho trang chiếu là

- A. chọn đối tượng / Animations. B. chọn đối tượng / Transitions.
C. chọn trang chiếu / Transitions. D. chọn đối tượng / Transitions.

Câu 13: Thao tác tạo hiệu ứng động cho đối tượng là

- A. chọn đối tượng / Animations.** B. chọn đối tượng / Transitions.
C. chọn trang chiếu / Transitions. D. chọn đối tượng / Transitions.

Câu 14: Nút lệnh  có chức năng

- A. căn thẳng lề trái nội dung trang chiếu. **B. căn thẳng lề phải nội dung trang chiếu.**
C. căn giữa nội dung trang chiếu. D. căn thẳng hai lề nội dung trang chiếu.

Câu 15: Để sao chép nội dung trang chiếu ta thực hiện chọn phần nội dung cần sao chép, tiếp theo nháy vào lệnh

- A.  Paste . B.  Cut . C.  Copy . D.  Layout .

Câu 16. Thuật toán tìm kiếm tuần tự là

A. thực hiện tìm lần lượt từ đầu đến cuối danh sách, khi chưa tìm thấy và chưa tìm hết thì còn tìm tiếp.

B. thực hiện tìm lần lượt từ đầu cho đến cuối danh sách.

C. thực hiện tìm lần lượt từ giữa danh sách.

D. thực hiện tìm bất kỳ tại vị trí nào của danh sách.

Câu 17. Thuật toán tìm kiếm tuần tự thực hiện công việc gì?

A. Lưu trữ dữ liệu.

B. Sắp xếp dữ liệu theo chiều tăng dần.

C. Xử lý dữ liệu.

D. Tìm kiếm dữ liệu cho trước trong một danh sách đã cho.

Câu 18. Thuật toán tìm kiếm tuần tự thực hiện công việc như thế nào?

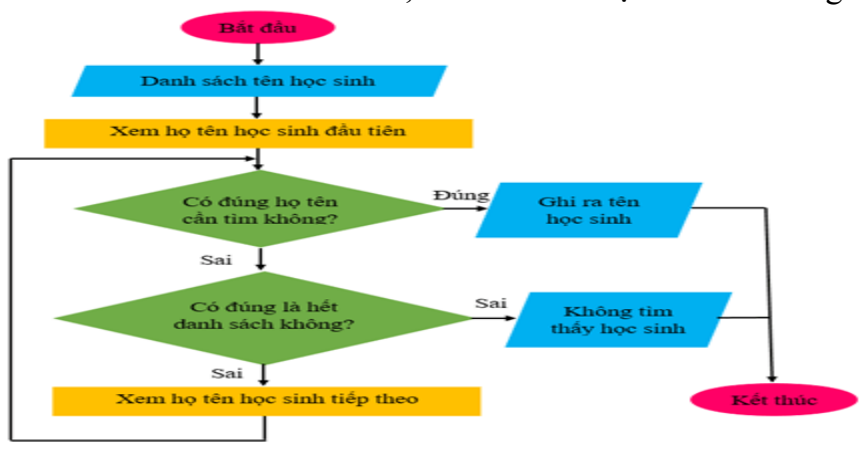
A. Sắp xếp lại dữ liệu theo thứ tự bảng chữ cái.

B. Xem xét mục dữ liệu đầu tiên, sau đó xem xét từng mục dữ liệu tiếp theo cho đến khi tìm thấy mục dữ liệu được yêu cầu hoặc đến khi hết danh sách.

C. Cho nhỏ dữ liệu thành từng phần để tìm kiếm.

D. Bắt đầu tìm từ vị trí bất kỳ trong danh sách.

Câu 19. Cho sơ đồ khối như sau, đầu ra của thuật toán dưới là gì?



A. Số lượng tên học sinh.

B. Tên học sinh bị trùng.

C. Có tìm thấy tên học sinh cần tìm không.

D. Danh sách tên học sinh.

Câu 20. Bước 1 trong mô tả thuật toán tìm kiếm tuần tự bằng ngôn ngữ tự nhiên là gì?

A. Kiểm tra đã hết danh sách chưa.

B. Xét phần tử đầu tiên của danh sách.

C. Trả lời “không tìm thấy” và kết thúc.

D. Trả lời “Tìm thấy” và chỉ ra vị trí phần tử tìm được; Kết thúc.

Câu 21. Để tìm kiếm một số trong dãy số bằng thuật toán tìm kiếm tuần tự, ta thực hiện:

A. Lấy ngẫu nhiên một số trong dãy số để so sánh với số cần tìm.

B. Sắp xếp dãy số theo thứ tự tăng dần.

C. So sánh lần lượt từ số đầu tiên trong dãy số với số cần tìm.

D. So sánh số cần tìm với số ở giữa dãy số.

Câu 22. Có 6 thẻ số, mỗi thẻ được ghi số ở một mặt và mặt còn lại không ghi gì. Đặt úp các thẻ số trên mặt bàn và xếp thành một dãy như hình dưới đây.

Dãy thẻ số						
Thứ tự	1	2	3	4	5	6

Em hãy cho biết để thực hiện tìm một số bất kỳ trong dãy số ghi trên các thẻ ở hình trên bằng thuật toán tìm kiếm tuần tự?

A. Lật một thẻ ngẫu nhiên.

B. Lần lượt lật các thẻ số lên cho đến khi tìm được số cần tìm.

C. Lật thẻ đầu tiên.

D. Lật thẻ cuối cùng.

Câu 23. Trong thuật toán tìm kiếm tuần tự với; $K=6$ và dãy A gồm 8 phần tử như sau,

4	9	7	1	6	3	5	8
---	---	---	---	---	---	---	---

tìm K trong dãy A, sau bao nhiêu bước thì tìm thấy K.

A. 3.

B. 4.

C. 5.

D. 6.

Câu 24. Thuật toán tìm kiếm tuần tự thực hiện trên danh sách

A. được sắp xếp từ bé đến lớn.

B. bất kỳ.

C. được sắp xếp từ lớn đến bé.

D. đã được sắp xếp.

Câu 25. Điều kiện dừng thuật toán tìm kiếm tuần tự là

A. tìm thấy phần tử cần tìm.

B. tìm thấy phần tử cần tìm hoặc đã hết danh sách.

C. đã hết danh sách.

D. tìm thấy phần tử cần tìm và đã hết danh sách.

Câu 26. Thuật toán tìm kiếm tuần tự cần bao nhiêu bước để tìm thấy số 7 trong danh sách [1, 4, 8, 7, 10, 28]?

A. 2.

B. 3.

C. 4.

D. 5.

Câu 27: Thực hiện thuật toán tìm kiếm tuần tự để tìm số 10 trong danh sách [2, 6, 8, 4, 10, 12].

Đầu ra của thuật toán là

A. thông báo “Không tìm thấy”.

B. thông báo “Tìm thấy”, giá trị cần tìm tại vị trí thứ 6 của danh sách.

C. thông báo “Tìm thấy”.

D. thông báo “Tìm thấy”, giá trị cần tìm tại vị trí thứ 5 của danh sách.

Câu 28. Điều gì xảy ra khi thuật toán tìm kiếm tuần tự không tìm thấy giá trị cần tìm trong danh sách?

A. Tiếp tục tìm kiếm và không bao giờ kết thúc. B. Thông báo “Tìm thấy”.

C. Thông báo “Tìm thấy” và kết thúc.

D. Thông báo “Không tìm thấy” và kết thúc.

Câu 29. Thuật toán tìm kiếm tuần tự cần bao nhiêu bước để tìm thấy số 25 trong danh sách [3, 5, 12, 7, 11, 25]?

A. 5.

B. 6.

C. 7.

D. 8.

Câu 30. Chọn câu diễn đạt đúng hoạt động của thuật toán tìm kiếm tuần tự.

A. Tìm trên danh sách đã sắp xếp, bắt đầu từ đầu danh sách, chừng nào chưa tìm thấy hoặc chưa tìm hết thì còn tìm tiếp

B. Tìm trên danh sách đã sắp xếp, bắt đầu từ giữa danh sách, chừng nào chưa tìm thấy hoặc chưa tìm hết thì còn tìm tiếp.

C. Tìm trên danh sách bất kì, bắt đầu từ giữa danh sách, chừng nào thấy hoặc chưa tìm hết thì còn tìm tiếp.

D. Tìm trên danh sách bất kì, bắt đầu từ đầu danh sách, chừng nào chưa tìm thấy hoặc chưa tìm hết thì còn tìm tiếp.

Câu 31. Tư tưởng của thuật toán tìm kiếm nhị phân là

A. tìm kiếm dựa vào cây tìm kiếm.

B. tìm kiếm từ đầu đến cuối dãy.

C. tại mỗi bước tiến hành so sánh X với phần tử giữa của dãy. Dựa vào bước so sánh này quyết định tìm kiếm ở nửa đầu hay ở nửa sau của danh sách.

D. so sánh X lần lượt với các phần tử a_1, a_2, \dots, a_n .

- Câu 32.** Thuật toán tìm kiếm nhị phân cần bao nhiêu bước để tìm thấy Thailand trong danh sách ["Brunei", "Cambodia", "Laos", "Myanmar", "Singapore", "Thailand", "Vietnam"]?
- A. 1. **B. 2.** C. 3. D. 4.
- Câu 33.** Thuật toán tìm kiếm nhị phân cần thực hiện bao nhiêu bước để thông báo không tìm thấy số 10 trong danh sách [2, 5, 8, 11, 14, 17] ?
- A. 2. **B. 3.** C. 4. D. 5.
- Câu 34.** Thuật toán tìm kiếm nhị phân cần bao nhiêu bước để tìm thấy "Mai" trong danh sách ["Hoa", "Lan", "Ly", "Mai", "Phong", "Vi"]?
- A. 1. B. 2. **C. 3.** D. 4.
- Câu 35.** Sử dụng thuật toán tìm kiếm nhị phân sẽ phù hợp trong trường hợp nào dưới đây?
- A. Tìm một số trong một danh sách. **B. Tìm một từ tiếng anh trong quyển từ điển.**
C. Tìm tên một bài học trong quyển sách. D. Tìm tên một nước trong danh sách.
- Câu 36.** Điều kiện lập của thuật toán tìm kiếm nhị phân là
- A. chưa tìm thấy phần tử cần tìm. B. chưa tìm thấy phần tử cần tìm hoặc chưa hết danh sách.
B. chưa hết danh sách. **D. chưa tìm thấy phần tử cần tìm và chưa hết danh sách.**
- Câu 37.** Khi so sánh giá trị cần tìm với giá trị của vị trí giữa, nếu giá trị cần tìm nhỏ hơn giá trị giữa thì ta
- A. tìm trong nửa đầu của danh sách.** B. tìm trong nửa sau của danh sách.
C. dừng lại. D. tìm trong nửa đầu hoặc nửa sau của danh sách.
- Câu 38.** Câu diễn đạt đúng hoạt động của thuật toán tìm kiếm nhị phân là
- A. tìm trên danh sách đã sắp xếp, bắt đầu từ đầu danh sách, chừng nào chưa tìm thấy hoặc chưa tìm hết thì còn tìm tiếp.
B. tìm trên danh sách đã sắp xếp, bắt đầu từ giữa danh sách, chừng nào chưa tìm thấy hoặc chưa tìm hết thì còn tìm tiếp.
C. tìm trên danh sách bất kì, bắt đầu từ giữa danh sách, chừng nào chưa tìm thấy hoặc chưa tìm hết thì còn tìm tiếp.
D. tìm trên danh sách bất kì, bắt đầu từ đầu danh sách, chừng nào chưa tìm thấy hoặc chưa tìm hết thì còn tìm tiếp.
- Câu 39.** Khi so sánh giá trị cần tìm với giá trị của vị trí giữa, nếu giá trị cần tìm lớn hơn giá trị giữa thì ta
- A. tìm trong nửa đầu của danh sách.
B. tìm trong nửa sau của danh sách.
C. dừng lại.
D. tìm trong nửa đầu hoặc nửa sau của danh sách.
- Câu 40.** Lợi ích của việc sắp xếp trong tìm kiếm là
- A. giúp tìm kiếm chính xác hơn. B. giúp tìm kiếm nhanh hơn.
C. giúp tìm kiếm đầy đủ hơn. **D. giúp tìm kiếm nhanh, đầy đủ và chính xác hơn.**
- Câu 41.** Điều gì xảy ra khi thuật toán tìm kiếm nhị phân không tìm thấy giá trị cần tìm trong danh sách?
- A. Tiếp tục tìm kiếm và không bao giờ kết thúc.
B. Thông báo "Tìm thấy" và tiếp tục xem còn phần tử nào khác nữa không.
C. Thông báo "Tìm thấy" và kết thúc.
D. Thông báo "Không tìm thấy" và kết thúc
- Câu 42.** Trong thuật toán tìm kiếm nhị phân thì vùng tìm kiếm lúc ban đầu là
- A. nửa đầu danh sách. B. nửa đầu danh sách.
C. toàn bộ danh sách. D. đáp án khác.
- Câu 43.** Thuật toán tìm kiếm nhị phân thực hiện trên danh sách

A. chưa được hoán đổi.

B. đã được sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn.

C. đã được chỉnh sửa.

D. chưa được sắp xếp.

Câu 44. Tại mỗi bước lặp, thuật toán tìm kiếm nhị phân sẽ

A. thu hẹp danh sách tìm kiếm chỉ còn một nửa.

B. danh sách sẽ được sắp xếp lại.

C. các phần tử trong danh sách sẽ giảm một nửa.

D. đáp án khác.

Câu 45. Thuật toán sắp xếp nổi bọt sắp xếp danh sách bằng cách nào?

A. Thay thế.

B. Thay đổi.

C. Hoán đổi.

D. Chiếm vị trí và xóa giá trị.

Câu 46. Thuật toán sắp xếp nổi bọt sắp xếp danh sách bằng cách hoán đổi các phần tử liền kề

A. một lần.

B. hai lần.

C. mười lần.

D. nhiều lần.

Câu 47. Cho dãy số: 15, 1, 31, 9. Nếu sử dụng thuật toán sắp xếp chọn để sắp xếp dãy trên tăng dần thì sau bao nhiêu lần lặp thì thuật toán kết thúc?

A. 2.

B. 3.

C. 4.

D. 5.

Câu 48. Trong thuật toán sắp xếp nổi bọt, ta thực hiện hoán đổi giá trị các phần tử liền kề khi nào?

A. Giá trị của chúng tăng.

B. Giá trị của chúng giảm.

C. Giá trị của chúng không đúng thứ tự.

D. Giá trị của chúng không bằng nhau.

Câu 49. Thuật toán sắp xếp chọn xét từng vị trí phần tử từ

A. đầu đến cuối.

B. cuối đến đầu.

C. giữa đến đầu.

D. giữa đến cuối.

Câu 50. Tại sao chúng ta chia bài toán thành những bài toán nhỏ hơn?

A. Để thay đổi đầu vào của bài toán.

B. Để thay đổi yêu cầu đầu ra của bài toán.

C. Để bài toán dễ giải quyết hơn.

D. Để bài toán khó giải quyết hơn.

II. Phần Tự Luận

Câu 1: Thuật toán tìm kiếm tuần tự là gì?

- Thuật toán tìm kiếm tuần tự thực hiện tìm lần lượt từ đầu đến cuối danh sách, chừng nào chưa tìm thấy và chưa tìm hết danh sách thì còn tìm tiếp.

Câu 2: Cho dãy số sau có các giá trị và vị trí như sau: 12; 23; 10; 15; 6; 25;

Vị trí: 1; 2; 3; 4; 5; 6

Hãy sử dụng thuật toán tìm kiếm tuần tự để tìm ra vị trí của số 6 trong dãy. Cho biết qua bao nhiêu lần lặp thì tìm thấy số 6.

Lần lặp 1: So sánh 12 với 6 → không bằng

Lần lặp 2: So sánh 23 với 6 → không bằng

Lần lặp 3: So sánh 10 với 6 → không bằng

Lần lặp 4: So sánh 15 với 6 → không bằng

Lần lặp 5: So sánh 6 với 6 → **trùng khớp**

Như vậy qua 5 lần lặp thì tìm thấy số 6 tại vị trí thứ 5.

Câu 3: Thuật toán tìm kiếm nhị phân là gì?

- Thuật toán tìm kiếm nhị phân thực hiện trên danh sách đã được sắp xếp theo thứ tự từ nhỏ đến lớn. bắt đầu từ giữa danh sách. Tại mỗi bước lặp, so sánh giá trị cần tìm với giá trị của vị trí giữa danh sách, nếu bằng thì dừng lại, nếu nhỏ hơn thì tìm trong nửa trước của danh sách, nếu lớn hơn thì tìm trong nửa sau của danh sách. Chừng nào chưa tìm thấy và vùng tìm còn phần tử thì còn tìm tiếp.

Câu 4: Cho dãy số sau có các giá trị và được đánh vị trí như sau: 5; 7; 10; 12; 15; 22; 30;

Vị trí: 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7.

Hãy sử dụng thuật toán tìm kiếm nhị phân để tìm ra vị trí của số 30 trong dãy. Cho biết qua bao nhiêu lần lặp thì tìm thấy số 30.

Lần lặp 1: vị trí đầu (1); vị trí cuối (7)

Vị trí giữa $(1+7)//2=4$

So sánh $30 > 12 \rightarrow$ Tìm nửa bên phải.

Lần lặp 2: vị trí đầu (5); vị trí cuối (7)

Vị trí giữa $(5+7)//2=6$

So sánh $30 > 22 \rightarrow$ Tìm nữa bên phải

Lần lặp 3: vị trí đầu (7); vị trí cuối (7)

Vị trí giữa $(7+7)//2=7$

So sánh $30 = 30 \rightarrow$ Tìm thấy

Như vậy qua 3 lần lặp tìm được 30 tại vị trí 7.

Câu 5: Thuật toán sắp xếp nổi bọt là gì?

- Sắp xếp nổi bọt là thuật toán sắp xếp được thực hiện bằng cách hoán đổi nhiều lần các phần tử liền kề nếu giá trị của chúng không đúng thứ tự.

Câu 6: Thuật toán sắp xếp chọn là gì?

- Sắp xếp chọn xét từng vị trí từ đầu đến cuối dãy, so sánh trực tiếp phần tử ở vị trí được xét với những phần tử ở phía sau nó và hoán đổi nếu chúng chưa đúng thứ tự.